

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC (LIÊN KẾT QUỐC TẾ)

Ngành đào tạo:	Quản trị Kinh doanh
Tên chương trình (tiếng Việt):	Chương trình song bằng Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Tên chương trình (tiếng Anh):	Dual Bachelor Degrees of Business Administration
Trình độ đào tạo:	Đại học
Hình thức đào tạo:	Từ xa
Thời gian đào tạo:	04 năm
Phương thức đào tạo:	Trực tuyến

(Kèm theo Quyết định số 1393/QĐ-HV ngày 25/11/2024 của Giám đốc Học viện)

1. MỤC TIÊU

Chương trình đào tạo ngành Quản trị Kinh doanh (QTKD) trình độ đại học của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông liên kết với trường đại học Seoul Cyber University được thiết kế nhằm đào tạo và cung ứng nhân lực trình độ cử nhân bậc đại học QTKD trong bối cảnh hội nhập và phát triển của nền kinh tế số. Sinh viên tốt nghiệp đại học Quản trị kinh doanh có bản lĩnh chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức và sức khỏe tốt; có tư duy kinh tế, kinh doanh tổng hợp; có hiểu biết cả lý luận và thực tế chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực quản trị kinh doanh; có khả năng vận dụng những kiến thức về quản trị doanh nghiệp, quản lý kinh tế để triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh; tạo lập và phát triển doanh nghiệp.

1.1. Mục tiêu cụ thể (Program Objectives – POs)

1.1.1. Về kiến thức

PO1: Cử nhân Quản trị kinh doanh được trang bị hệ thống kiến thức giáo dục đại cương về lý luận chính trị, pháp luật, tâm lý học và toán học

PO2: Cử nhân Quản trị kinh doanh được trang bị các kiến thức về kinh tế, xã hội và nhân văn; có kiến thức chuyên sâu và hiện đại về khởi sự kinh doanh và quản trị điều hành các loại hình doanh nghiệp trong bối cảnh hội nhập và phát triển của nền kinh tế số.

PO3: Cử nhân Quản trị kinh doanh có kiến thức về công cụ và phương pháp vận

dụng các nguyên lý khoa học quản trị kinh doanh trong hoạt động thực tiễn phù hợp với điều kiện môi trường cụ thể.

1.1.2. Về kỹ năng

PO4: Kỹ năng thực hành nghề nghiệp: Nắm vững và vận dụng được các kỹ năng quản trị như kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng xử lý tình huống kinh doanh, cũng như kỹ năng thích nghi với môi trường kinh doanh mới.

PO5: Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm và khả năng hình thành, phát triển và lãnh đạo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc.

PO6: Có đầy đủ kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn.

PO7: Có năng lực học tập, nghiên cứu, phát triển bản thân, có tư duy hệ thống và độc lập.

1.1.3. Về thái độ

PO8: Có phẩm chất chính trị, tuân thủ pháp luật và có sức khỏe tốt.

PO9: Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác.

1.1.4. Trình độ ngoại ngữ và tin học

PO10: Có khả năng sử dụng tiếng Hàn trong học tập, nghiên cứu, làm việc và hòa nhập nhanh trong môi trường quốc tế

PO11: Thành thạo kỹ năng số, bao gồm kỹ năng về tin học văn phòng, sử dụng khai thác Internet và các phần mềm thông dụng khác trong công việc và học tập

1.1.5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp sinh viên có đủ năng lực để có thể đảm nhận các vị trí công việc sau:

1. Giám đốc doanh nghiệp nhỏ và vừa; Giám đốc chức năng trong các doanh nghiệp (giám đốc Nhân sự, giám đốc Marketing, giám đốc Kinh doanh Thương mại / Thương mại điện tử, giám đốc Vận hành... tương ứng với chuyên ngành được đào tạo);
2. Nhân viên hoặc quản trị cấp trung, quản trị cấp cơ sở trong các phòng / ban Nhân sự, Marketing, Kinh doanh Thương mại / Thương mại điện tử, Sản xuất;
3. Công chức, viên chức tại các cơ quan quản lý nhà nước;
4. Nhà sáng lập doanh nghiệp;

Có thể tiếp tục học tiếp lên trình độ sau đại học ngành Kinh doanh và quản lý tại các cơ sở giáo dục đại học trong nước và nước ngoài.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

PLO1: Hiểu và vận dụng được kiến thức đại cương về khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ vào học tập, nghiên cứu và thực hiện hoạt động nghề nghiệp;

PLO2: Hiểu và vận dụng được kiến thức đại cương về khoa học xã hội và khoa học nhân văn vào học tập, nghiên cứu và thực hiện hoạt động nghề nghiệp;

PLO3: Phân tích và đánh giá được các kiến thức thuộc lĩnh vực kinh tế và quản lý phù hợp với ngành vào thực tiễn (nguyên tắc cơ bản của kinh tế vi mô và vĩ mô, nguyên lý vận động của thị trường, ứng dụng phương pháp định lượng vào hỗ trợ ra quyết định quản trị kinh doanh...);

PLO4: Phân tích và đánh giá được các kiến thức thuộc lĩnh vực nhóm ngành quản trị kinh doanh để giải quyết các vấn đề chuyên môn trong thực tiễn (vận dụng các kiến thức quản trị căn bản để đề xuất các quyết định vận hành doanh nghiệp, đảm bảo nguồn nhân lực của doanh nghiệp ổn định và phát triển theo nhu cầu, triển khai các hoạt động marketing phù hợp với thị trường, phân tích tình hình tài chính và các nguồn huy động vốn, thực hiện các hoạt động quản trị tài chính căn bản trong doanh nghiệp, tổng hợp các yếu tố thuộc môi trường để xác định chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp);

PLO5: Phân tích và đánh giá được cơ chế vận hành của một doanh nghiệp trong thực tế (sơ đồ hóa mô hình tổ chức và các chức năng kinh doanh của doanh nghiệp, phân tích và đánh giá các thành tố của mô hình kinh doanh, xây dựng và triển khai các dự án/kế hoạch kinh doanh).

PLO6 Phân tích và đánh giá được quy trình, phương pháp chung vận hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; Hiểu và vận dụng các kiến thức về nguyên tắc kế toán, báo cáo tài chính và thực hành quản lý tài chính hiệu quả, phục vụ cho việc ra quyết định hiệu quả trong bối cảnh kinh doanh hiện đại; Hiểu và ứng dụng những thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ của Cách mạng công nghiệp 4.0 trong việc nâng cao hiệu suất của doanh nghiệp; Phát triển sự hiểu biết sâu sắc về đa dạng văn hóa và quan điểm toàn cầu, vận dụng trong các hoạt động của doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh quốc tế.

2.2. Kỹ năng

Các kỹ năng chuyên môn ngành Quản trị Kinh doanh bao gồm:

PLO7: Có kỹ năng nhận thức và giải quyết vấn đề chuyên môn tổng hợp trong lĩnh vực quản trị kinh doanh (tư duy hệ thống, giải quyết vấn đề, xác lập mục tiêu khả thi và ra quyết định trong quản trị kinh doanh);

PLO8: Có năng lực thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực quản trị kinh doanh (Thực hiện các chức năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát hoạt động kinh doanh; Xử lý những tình huống phát sinh ở cấp độ quản trị viên cấp cơ sở; Thu thập, phân tích, xử lý thông tin một cách chính xác theo các phương pháp định tính, định lượng).

PLO9: Có năng lực thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, cụ thể như: vận hành hệ thống kinh doanh của doanh nghiệp, đề xuất cơ chế cho hoạt động đổi mới sáng tạo; lập kế hoạch marketing, triển khai một phần các hoạt động marketing tại doanh nghiệp; xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch khởi sự kinh doanh và kế hoạch tái cấu trúc doanh nghiệp;

2.3. Kỹ năng mềm

PLO10: Có kỹ năng giao tiếp và thuyết trình tốt thể hiện qua việc trình bày rõ ràng, tự tin và thuyết phục các vấn đề liên quan đến chuyên môn và các vấn đề kinh tế xã hội bằng tiếng Anh và các ngôn ngữ khác;

PLO11: Có kỹ năng làm việc nhóm, biết thành lập và tổ chức tốt công việc theo nhóm;

PLO12: Có các kỹ năng cá nhân và phẩm chất nghề nghiệp trong việc giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, lập kế hoạch và tổ chức công việc; phát triển kỹ năng lãnh đạo và quản lý, truyền cảm hứng và quản trị nhóm hiệu quả để đạt mục tiêu của tổ chức

PLO13: Có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp, tư duy hệ thống và tư duy phân tích và làm việc hiệu quả trong nhóm (đa ngành), hội nhập được trong môi trường quốc tế.

2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO14: Có ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong công việc;

PLO15: Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

PLO16: Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề nghiệp vụ, chuyên môn;

PLO17: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể và đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn.

2.5. Hành vi đạo đức

PLO18: Có phẩm chất đạo đức tốt, tính kỷ luật cao, biết làm việc tập thể theo nhóm, theo dự án, say mê khoa học và luôn tự rèn luyện nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn;

PLO19: Hiểu biết về các giá trị đạo đức và nghề nghiệp, ý thức về những vấn đề đương đại, hiểu rõ vai trò của các giải pháp kinh tế - kỹ thuật trong bối cảnh kinh tế, môi trường, xã hội toàn cầu và trong bối cảnh riêng của đất nước;

PLO20: Ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ, có năng lực chuyên môn và khả năng ngoại ngữ để tự học suốt đời.

2.6. Ngoại ngữ (Tiếng Hàn)

PLO21: Đạt trình độ tiếng Hàn TOPIK 3 trở lên;

PLO22: Có khả năng sử dụng tiếng Hàn phục vụ học tập, nghiên cứu, hoà nhập nhanh với khu vực và quốc tế sau khi ra trường;

PLO23: Có khả năng sử dụng tiếng Hàn tốt trong các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp được đào tạo.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA:

a) Giai đoạn 1: Học tập trên nền tảng đào tạo trực tuyến của Học viện

Khối lượng kiến thức học tập 02 năm đầu trên nền tảng đào tạo trực tuyến của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông gồm 75 tín chỉ (theo qui định về tín chỉ của Việt Nam). Khối lượng kiến thức trên không bao gồm Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng và Kỹ năng mềm.

b) Giai đoạn 2: Học tập trên nền tảng đào tạo trực tuyến của Đại học Seoul Cyber

Khối lượng kiến thức học tập 02 năm sau trên nền tảng đào tạo trực tuyến của Đại học Seoul Cyber, Hàn Quốc gồm 72 tín chỉ (theo qui định của hệ thống tín chỉ Hàn Quốc).

Sau khi kết thúc giai đoạn 2, sinh viên hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo của Đại học Seoul Cyber và của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (hoàn thành bổ sung khối kiến thức tốt nghiệp) và đủ điều kiện cấp bằng sẽ được nhận song bằng của Đại học Seoul Cyber và của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH, YÊU CẦU ĐẦU VÀO VÀ ĐIỀU KIỆN CHUYỂN TIẾP

a) Đối tượng tuyển sinh và yêu cầu đầu vào:

Thí sinh phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Thí sinh là người Việt Nam đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;
- Thí sinh là người Việt Nam đã có bằng Trung cấp, Cao đẳng muốn học lên đại học;
- Thí sinh là người Việt Nam đã có bằng Đại học muốn học thêm để có bằng đại học của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông và Đại học Seoul Cyber;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;
- Có đủ trình độ tiếng Hàn theo yêu cầu của giai đoạn chuyển tiếp học tập trên hệ thống đào tạo trực tuyến của Đại học Seoul Cyber.

b) Điều kiện chuyển tiếp (sau khi kết thúc Giai đoạn học tại Việt Nam):

Theo thỏa thuận hợp tác giữa Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông và Đại học Seoul Cyber (Hàn Quốc), sinh viên đủ điều kiện chuyển tiếp sang học trên hệ thống đào tạo trực tuyến của Đại học Seoul Cyber khi:

- Sinh viên đã hoàn thành đủ các môn học theo chương trình đào tạo trên hệ thống đào tạo trực tuyến của Học viện (02 năm học đầu) và đạt Điểm trung bình tích lũy của năm học trước hoặc Điểm trung bình chung tích lũy (tại thời điểm xét tuyển tiếp) tối thiểu 5,5 (theo thang điểm 10) hoặc 2,0 (theo thang điểm 4).
- Có chứng chỉ TOPIK 3 trở lên và còn thời hạn theo quy định.
- Minh chứng khả năng tài chính đảm bảo khả năng hoàn thành khóa học trên hệ thống đào tạo trực tuyến của Đại học Seoul Cyber;

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5.1. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo là chương trình do Học viện và Đại học Seoul Cyber cùng phối hợp xây dựng trên cơ sở chương trình đào tạo ngành Quản trị Kinh doanh (Cử nhân) của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông và Đại học Seoul Cyber (Hàn Quốc).

Chương trình được chia thành hai giai đoạn:

Giai đoạn 1: Sinh viên học tập 02 năm đầu trên hệ thống đào tạo trực tuyến của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông với 75 tín chỉ tương ứng với 28 môn học/học phần. Nội dung chương trình trong giai đoạn này phần lớn tập trung vào các kiến thức chung, đại cương và một số kiến thức cơ sở ngành cũng như nâng cao trình độ tiếng Hàn cho sinh viên, ngôn ngữ giảng dạy trong giai đoạn này được sử dụng là song ngữ bao gồm cả tiếng Việt và tiếng Hàn;

Giai đoạn 2: Sinh viên sau khi hoàn thành chương trình đào tạo 02 năm đầu và đạt đầy đủ các điều kiện chuyển tiếp sẽ tiếp tục học tập 02 năm tiếp theo trên hệ thống đào tạo trực tuyến của Đại học Seoul Cyber, Hàn Quốc. Trong đoạn này, sinh viên học tập 100% bằng ngôn ngữ tiếng Hàn với 72 tín chỉ, tương ứng với 23 môn học; nội dung chương trình giai đoạn này là phần kiến thức chuyên môn sâu của ngành đào tạo. Sinh viên hoàn thành chương trình đào tạo và đủ điều kiện cấp bằng sẽ được nhận bằng tốt nghiệp đại học của Đại học Seoul Cyber.

Sau khi hoàn thành hai (02) Giai đoạn như trên và hoàn thành thêm các môn học theo quy định của Việt Nam, sinh viên đủ điều kiện sẽ nhận văn bằng tốt nghiệp đại học của Học viện.

5.2. Công nhận tốt nghiệp

Sinh viên hoàn thành và kết thúc đầy đủ cả 2 Giai đoạn của khóa học thì sẽ được công nhận và cấp 02 bằng tốt nghiệp của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông và của Đại học Seoul Cyber. Cụ thể: khi hoàn thành Giai đoạn 2, sinh viên được công

nhận và cấp bằng đại học Cử nhân Quản trị Kinh doanh (Business Administration) của Đại học Seoul Cyber, Hàn Quốc; sau khi hoàn thành hai (02) Giai đoạn như trên, sinh viên đủ điều kiện sẽ được công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học Cử nhân Quản trị kinh doanh (Business Administration) của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ

6.1. Các học phần học trên hệ thống đào tạo trực tuyến của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (Giai đoạn 1)

Các học phần học trên hệ thống đào tạo trực tuyến của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông được đánh giá theo thang điểm tín chỉ theo qui định của Học Viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông. Cụ thể:

Điểm chữ (A, B, C, D, F) và thang điểm 4 quy đổi tương ứng được sử dụng để đánh giá kết quả học tập chính thức. Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá điểm thành phần của các môn học/học phần.

	Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông			Đại học Seoul Cyber		
	Thang điểm 10 (điểm thành phần)	Thang điểm 4 và điểm chữ		Thang điểm 100	Thang điểm 4 và điểm chữ	
		Điểm chữ	Điểm số	Điểm số	Điểm chữ	Điểm số
Điểm đạt	Từ 9,0 đến 10,0	A+	4,0	95+	A+	4,0
	Từ 8,5 đến 8,9	A	3,7	90-94	A	3,7
	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5	85-89	B+	3,5
	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0	80-84	B	3,0
	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5	75-79	C+	2,5
	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0	70-74	C	2,0
	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5	65-69	D+	1,5
	Từ 4,0 đến 4,9	D	1,0	60-64	D	1,0
Không đạt	Dưới 4,0	F	0,0	0-59	F	0,0

6.2. Các học phần học trên hệ thống đào tạo trực tuyến của Đại Học Seoul Cyber, Hàn Quốc

Các học phần học trên hệ thống đào tạo trực tuyến của Đại Học Seoul Cyber được đánh giá theo thang điểm của Đại học Seoul Cyber.

Điểm đạt	Thang điểm của Đại học Seoul Cyber			Quy đổi sang thang điểm của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông		
	Thang điểm 4 và điểm chữ		Thang điểm 100	Thang điểm 10 (điểm thành phần)	Thang điểm 4	
	Điểm chữ		Điểm số		Điểm chữ	Điểm số
	A+	4,0	95 +	Từ 9,0 đến 10,0	A+	4,0
	A	3,7	90-94	Từ 8,5 đến 8,9	A	3,7
	B+	3,5	85-89	Từ 8,0 đến 8,4	B+	3,5
	B	3,0	80-84	Từ 7,0 đến 7,9	B	3,0
	C+	2,5	75-79	Từ 6,5 đến 6,9	C+	2,5
	C	2,0	70-74	Từ 5,5 đến 6,4	C	2,0
	D+	1,5	65-69	Từ 5,0 đến 5,4	D+	1,5
	D	1,0	60-64	Từ 4,0 đến 4,9	D	1,0
Không đạt	F	0,0	0-59	Dưới 4,0	F	0,0

7. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Cấu trúc chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
1.	Khối kiến thức học trên hệ thống đào tạo trực tuyến của Học viện công nghệ bưu chính Viễn thông (Giai đoạn 1)	75*
1.1	Khối kiến thức giáo dục đại cương	44
1.1.1	Kiến thức chung	32
1.1.2	Khối kiến thức cơ bản nhóm ngành	12
1.2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	31
1.2.1	Khối kiến thức cơ sở khối ngành và ngành	31
2.	Khối kiến thức học trên hệ thống đào tạo trực tuyến của Đại học Seoul Cyber, Hàn Quốc (Giai đoạn 2)	72**

Ghi chú:

* Tín chỉ của Học viện theo quy định của Việt Nam (Credits based on Vietnamese System)

**** Tín chỉ của Đại học Seoul Cyber theo Quy định của Hàn Quốc (Credits based on Korea's System)**

Mỗi tín chỉ của Học viện sẽ được quy đổi tương ứng 1 tín chỉ của Đại học Seoul Cyber và ngược lại

7.2. Nội dung chương trình

Giai đoạn 1: Nội dung chương trình đào tạo 02 năm đầu trên hệ thống đào tạo trực tuyến của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

7.2.1. Khối kiến thức chung

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Mã số học phần tiên quyết	Các hoạt động giảng dạy, đào tạo (tiết)				
					Đào tạo trực tuyến		Bài tập tình huống	Thảo luận	Giải quyết vấn đề
					Với giảng viên	Với hệ thống E-learning			
1	Triết học Mác-Lênin (Marxist – Leninist Philosophy)	BAS1150	3		9	28	3	3	2
2	Kinh tế chính trị Mác-Lênin (Marxist – Leninist Political Economy)	BAS1151	2		6	19	2	2	1
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học (Scientific socialism)	BAS1152	2		6	19	2	2	1
4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (History of Vietnamese Communist Party)	BAS1153	2		6	19	2	2	1
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh Ideology)	BAS1122	2		6	19	2	2	1
6	Tiếng Hàn Sơ cấp (I) Elementary Korean (I)	RIPT1501	3		45				
7	Tiếng Hàn Sơ cấp (II) Elementary Korean (II)	RIPT1502	4		60				
8	Tiếng Hàn Trung cấp và TOPIK (I) Intermediate Korean & Topik (I)	RIPT1503	4		60				
9	Tiếng Hàn Trung cấp và TOPIK (I)	RIPT1504	4		60				

	Intermediate Korean & Topik (I)								
10	Tin học cơ sở 1 (Basic Informatics 1)	INT1154	2		6	19	2	2	1
11	Tin học cơ sở 3 (Basic Informatics 3)	INT1156	2		6	19	2	2	1
12	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học (Scientific Research Methodology)	SKD1108	2		6	19	2	2	1
	Tổng:		32						
Kiến thức các môn kỹ năng (chọn 3/7)									
1	Kỹ năng thuyết trình (Presentations skills)	SKD1101	1		3	6	2	2	2
2	Kỹ năng làm việc nhóm (Teamwork skills)	SKD1102	1		3	6	2	2	2
3	Kỹ năng tạo lập Văn bản (Documentation creation skills)	SKD1103	1		3	6	2	2	2
4	Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc (Planning and organizing skills)	SKD1104	1		3	6	2	2	2
5	Kỹ năng giao tiếp (Communication skills)	SKD1105	1		3	6	2	2	2
6	Kỹ năng giải quyết vấn đề (Problem-solving skills)	SKD1106	1		3	6	2	2	2
7	Kỹ năng tư duy sáng tạo (Creative thinking skills)	SKD1107	1		3	6	2	2	2

7.2.2. Kiến thức cơ bản nhóm ngành

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Mã số học phần tiên quyết	Các hoạt động giảng dạy, đào tạo (tiết)				
					Đào tạo trực tuyến		Bài tập tình huống	Thảo luận	Giải quyết vấn đề
					Với giảng viên	Với hệ thống E-learning			
13	Toán cao cấp 1 (Advanced Math 1)	BAS1219	2		6	19	2	2	1
14	Toán cao cấp 2 (Advanced Math 2)	BAS1220	2		6	19	2	2	1
15	Lý thuyết xác suất và thống kê (The Theory of Probability and Mathematical Statistics)	BAS1210	3		9	28	3	3	2

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Mã số học phần tiên quyết	Các hoạt động giảng dạy, đào tạo (tiết)				
					Đào tạo trực tuyến		Bài tập tình huống	Thảo luận	Giải quyết vấn đề
					Với giảng viên	Với hệ thống E-learning			
16	Toán kinh tế (Mathematical Economics)	BSA1241	3		9	28	3	3	2
17	Pháp luật đại cương (General Law)	BSA1221	2		6	19	2	2	1
Tổng:			12						

7.2.3. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

7.2.3.1. Kiến thức cơ sở khối ngành và ngành

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Mã số học phần tiên quyết	Các hoạt động giảng dạy, đào tạo (tiết)				
					Đào tạo trực tuyến		Bài tập tình huống	Thảo luận	Giải quyết vấn đề
					Với giảng viên	Với hệ thống E-learning			
18	Kinh tế vi mô I (Microeconomics I)	BSA1310	3		9	28	3	3	2
19	Kinh tế vĩ mô I (Macroeconomics I)	BSA1311	3		9	28	3	3	2
20	Marketing căn bản (Principles of Marketing)	MAR1322	3		9	28	3	3	2
21	Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)	FIA1321	3		9	28	3	3	2
22	Kinh tế lượng (Econometrics)	BSA1309	3		9	28	3	3	2
23	Quản trị học (Management)	BSA1328	3		9	28	3	3	2
24	Hệ thống thông tin quản lý (Management Information System)	BSA1307	2		6	19	2	2	1
25	Giao tiếp trong kinh doanh (Business Communication)	BSA 1448	2		6	19	2	2	1
26	Thương mại điện tử căn bản (Principles of Ecommerce)	BSA1365	3		9	28	3	3	2
27	Thống kê doanh nghiệp (Business Statistics)	BSA1338	3		9	28	3	3	2

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Mã số học phần tiên quyết	Các hoạt động giảng dạy, đào tạo (tiết)				
					Đào tạo trực tuyến		Bài tập tình huống	Thảo luận	Giải quyết vấn đề
					Với giảng viên	Với hệ thống E-learning			
28	Tài chính tiền tệ (Principles of Finance)	FIA1326	3		9	28	3	3	2
Tổng:			28						

Giai đoạn 2: Nội dung chương trình đào tạo 02 năm cuối trên hệ thống đào tạo trực tuyến của Đại học Seoul Cyber

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Mã số học phần tiên quyết	Các hoạt động giảng dạy, đào tạo (tiết)
29	Kế toán nâng cao (Intermediate Accounting)	15110246	3		Đào tạo trực tuyến với hệ thống E-learning Bài tập tình huống Thảo luận Giải quyết vấn đề
30	Giới thiệu về hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu (Introduction to Export and Import Practices)	15120826	3		Đào tạo trực tuyến với hệ thống E-learning Bài tập tình huống Thảo luận Giải quyết vấn đề
31	Quản trị tài chính (Financial Management)	15130001	3		Đào tạo trực tuyến với hệ thống E-learning Bài tập tình huống Thảo luận Giải quyết vấn đề
32	Quản trị logistics (Logistics Management)	15120021	3		Đào tạo trực tuyến với hệ thống E-learning Bài tập tình huống Thảo luận Giải quyết vấn đề
33	Quản trị vận hành (Operations Management)	15111376	3		Đào tạo trực tuyến với hệ thống E-learning Bài tập tình huống Thảo luận Giải quyết vấn đề
34	Hành vi tổ chức (Organizational Behavior)	15110066	3		Đào tạo trực tuyến với hệ thống E-learning Bài tập tình huống Thảo luận Giải quyết vấn đề

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Mã số học phần tiên quyết	Các hoạt động giảng dạy, đào tạo (tiết)
35	AI trong kinh doanh (AI for Business)	15111378	3		Đào tạo trực tuyến với hệ thống E-learning Bài tập tình huống Thảo luận Giải quyết vấn đề
36	Thị trường chứng khoán và đầu tư (Stock Market and Investment)	15130015	3		Đào tạo trực tuyến với hệ thống E-learning Bài tập tình huống Thảo luận Giải quyết vấn đề
37	Quản trị nhân lực (Human Resource Management)	15110061	3		Đào tạo trực tuyến với hệ thống E-learning Bài tập tình huống Thảo luận Giải quyết vấn đề
38	Thương mại xuyên biên giới (Cross Border Trade)	15121048	3		Đào tạo trực tuyến với hệ thống E-learning Bài tập tình huống Thảo luận Giải quyết vấn đề
39	Cách mạng công nghiệp 4.0 và đổi mới Logistics (The 4th Industrial Revolution & Logistics Innovation)	15120825	3		Đào tạo trực tuyến với hệ thống E-learning Bài tập tình huống Thảo luận Giải quyết vấn đề
40	Tâm lý và hành vi khách hàng (Consumer Psychology & Behavior)	15111103	3		Đào tạo trực tuyến với hệ thống E-learning Bài tập tình huống Thảo luận Giải quyết vấn đề
41	Marketing toàn cầu trong thời đại 4.0 (Global Marketing in the Era of Market 4.0)	15120832	3		Đào tạo trực tuyến với hệ thống E-learning Bài tập tình huống Thảo luận Giải quyết vấn đề
42	AI và Logistics (AI and Logistics Operation)	15121077	3		Đào tạo trực tuyến với hệ thống E-learning Bài tập tình huống Thảo luận Giải quyết vấn đề
43	Quản trị chiến lược (Strategic Management)	15110058	3		Đào tạo trực tuyến với hệ thống E-learning Bài tập tình huống Thảo luận Giải quyết vấn đề
44	Tài chính quốc tế (International Finance)	15130037	3		Đào tạo trực tuyến với hệ thống E-learning

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Mã số học phần tiên quyết	Các hoạt động giảng dạy, đào tạo (tiết)
					Bài tập tình huống Thảo luận Giải quyết vấn đề
45	Phân tích hoạt động kinh doanh (Business Analysis)	15111379	3		Đào tạo trực tuyến với hệ thống E-learning Bài tập tình huống Thảo luận Giải quyết vấn đề
46	Chiến lược Marketing (Marketing Strategy)	15110063	3		Đào tạo trực tuyến với hệ thống E-learning Bài tập tình huống Thảo luận Giải quyết vấn đề
47	Kế toán chi phí (Cost Accounting)	15110067	3		Đào tạo trực tuyến với hệ thống E-learning Bài tập tình huống Thảo luận Giải quyết vấn đề
48	Truyền thông Marketing (Marketing Communication)	15110072	3		Đào tạo trực tuyến với hệ thống E-learning Bài tập tình huống Thảo luận Giải quyết vấn đề
49	Quản trị kênh Marketing (Marketing Channel Management)	15111105	3		Đào tạo trực tuyến với hệ thống E-learning Bài tập tình huống Thảo luận Giải quyết vấn đề
50	Chiến lược bán hàng trên các nền tảng (Platform Sales Strategy)	15111102	3		Đào tạo trực tuyến với hệ thống E-learning Bài tập tình huống Thảo luận Giải quyết vấn đề
51	Khởi nghiệp và thuế (Business Start-up and Tax)	15150552	3		Đào tạo trực tuyến với hệ thống E-learning Bài tập tình huống Thảo luận Giải quyết vấn đề
52	Thành lập và vận hành cửa hàng trực tuyến (Practice of Opening and Operating Online Shopping Mall)	15111105	3		Đào tạo trực tuyến với hệ thống E-learning Bài tập tình huống Thảo luận Giải quyết vấn đề
	Tổng		72		Đào tạo trực tuyến với hệ thống E-learning Bài tập tình huống Thảo luận

TT	Tên môn học	Mã số môn học	Số tín chỉ	Mã số học phần tiên quyết	Các hoạt động giảng dạy, đào tạo (tiết)
					Giải quyết vấn đề

Sau khi kết thúc Giai đoạn 2, sinh viên hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo của Đại học Seoul Cyber và của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (hoàn thành bổ sung khối kiến thức tốt nghiệp) và đủ điều kiện cấp bằng sẽ được nhận song bằng của Đại học Seoul Cyber và của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

Ghi chú (notes):

* *Tín chỉ của Học viện theo quy định của Việt Nam (Credits based on Vietnamese System)*

** *Tín chỉ của Đại học Seoul Cyber theo Quy định của Hàn Quốc (Credits based on Korea's System)*

Mỗi tín chỉ của Học viện sẽ được quy đổi tương ứng 1 tín chỉ của Đại học Seoul Cyber và ngược lại.

8. MÔ TẢ TÓM TẮT CÁC MÔN HỌC CỐT LÕI

8.1. Kinh tế vi mô 1 (Microeconomics 1)

- Mã học phần: BSA1310

- Số tín chỉ: 03

- Mục tiêu kiến thức: Học phần kinh tế vi mô có nhiệm vụ chủ yếu là trang bị các kiến thức cơ bản và cơ sở về hoạt động của nền kinh tế thị trường thông qua việc phân tích các quy luật kinh tế cơ bản như quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh.

Học phần này đề cập đến hành vi của các thành viên của một nền kinh tế đó là người tiêu dùng, doanh nghiệp và chính phủ. Học phần này sẽ trang bị công cụ phân tích để sinh viên nắm bắt và áp dụng cho các môn học sau này.

8.2. Kinh tế vĩ mô 1 (Macroeconomics 1)

- Mã học phần: BSA1311

- Số tín chỉ: 03

- Mục tiêu kiến thức: Học phần này giới thiệu một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm việc đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; giới thiệu những tư tưởng trung tâm về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

Học phần này cung cấp các phương pháp phân tích kinh tế vào đánh giá những vấn đề kinh tế vĩ mô như tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở như cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

8.3. Quản trị học (Management)

- Mã học phần: BSA1328

- Số tín chỉ: 03

- Mục tiêu kiến thức: kiến thức cơ bản về quản trị học, gồm: Nhập môn quản trị học, Sự phát triển của các quan điểm quản trị; Môi trường quản trị, Thông tin và quyết định trong quản trị; Các chức năng quản trị; và Một số vấn đề quản trị học hiện đại.

8.4. Thương mại điện tử căn bản (Principles of Ecommerce)

- Mã học phần: BSA1365

- Số tín chỉ: 03

- Mục tiêu kiến thức: Học phần này giúp sinh viên hiểu và nắm bắt được các vấn đề cơ bản như: Các khái niệm về TMĐT; Giao dịch điện tử; Marketing điện tử; An toàn thông tin trong TMĐT; Ứng dụng TMĐT trong doanh nghiệp; Các vấn đề pháp luật, đạo đức và xã hội của TMĐT. Học phần cũng đặt ra các yêu cầu vận dụng kiến thức để sinh viên có thể phân tích, tổng hợp, đánh giá các tình huống TMĐT điển hình.

8.5. Marketing căn bản (Principles of Marketing)

- Mã học phần: MAR1322

- Số tín chỉ: 3

- Mục tiêu kiến thức: Sau khi học xong học phần này, sinh viên sẽ nắm bắt được các nội dung chính liên quan đến nguyên lý cơ bản về Marketing gồm: Hiểu và phân tích khái niệm Marketing, quy trình Marketing; Hiểu về môi trường Marketing và hành vi khách hàng; Hiểu cách thiết kế chiến lược Marketing định hướng giá trị khách hàng dựa trên các Marketing hỗn hợp, Marketing dịch vụ; Hiểu về một số quan điểm về Marketing mở rộng như Marketing toàn cầu, Marketing bền vững.

8.6. Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)

- Mã học phần: FIA1321

- Số tín chỉ: 3

- Mục tiêu kiến thức: Học phần giúp sinh viên nắm các kiến thức cơ bản về hạch toán kế toán (các khái niệm, đối tượng của hạch toán kế toán, nguyên tắc kế toán,...); Các phương pháp kế toán; Sổ kế toán và Hình thức kế toán; Tổ chức công tác kế toán.

8.7. Thống kê doanh nghiệp (Business Statistics)

- Mã học phần: BSA1338

- Số tín chỉ: 3

- Mục tiêu kiến thức: Sinh viên cần nắm được những kiến thức cơ bản về nguyên lý thống kê như Các phương pháp trình bày số liệu thống kê; Các mức độ của hiện tượng thống kê; Điều tra chọn mẫu trong thống kê; Tương quan và hồi quy; Dãy số thời gian; Chỉ số;.. và vận dụng trong thống kê các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh doanh nghiệp, lao động tiền lương, tài sản doanh nghiệp, giá thành và hiệu quả sản xuất kinh doanh, vốn và hoạt động tài chính của doanh nghiệp.

8.8. Tài chính tiền tệ (Principles of Finance)

- Mã học phần: FIA1326

- Số tín chỉ: 3

- Mục tiêu kiến thức: Sau khi kết thúc học phần, sinh viên sẽ nắm được những khái niệm cơ bản về tài chính, tín dụng, tiền tệ và ngân hàng. Bên cạnh đó, sinh viên cũng nắm được kiến thức về hệ thống tài chính, chính sách tài chính và chính sách tiền tệ của nhà nước.

8.9. Giao tiếp kinh doanh (Business Communication)

- Mã học phần: BSA1448

- Số tín chỉ: 02

- Mục tiêu kiến thức: Học phần giúp sinh viên có được những kiến thức cơ bản về giao tiếp trong kinh doanh từ đó có thể vận dụng được vào trong các tình huống giao tiếp kinh doanh sau này như giao tiếp trong làm việc nhóm, giao tiếp với cấp trên và giao tiếp với khách hàng, đối tác sau này. Đồng thời, học phần cũng hướng tới hình thành các kỹ năng giao tiếp trong công việc cho sinh viên như kỹ năng soạn thảo thư thương mại, kỹ năng thuyết trình, soạn thảo và trình bày một đề xuất kinh doanh.

8.10. Intermediate Accounting (Kế toán nâng cao)

- Mã học phần: 15110246

- Số tín chỉ: 3

- Mục tiêu môn học: Khoa học này dành cho sinh viên đã hoàn thành nguyên lý kế toán và bao gồm các lý thuyết cơ bản và vấn đề ứng dụng trong kế toán tài chính, tập trung vào các Tiêu chuẩn Báo cáo Tài chính Quốc tế của Hàn Quốc. Mục tiêu là xây dựng hiểu biết toàn diện về kế toán tài chính và khả năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tế

8.11. Introduction to Export and Import Practices (Giới thiệu về hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu)

- Mã học phần: 15120826

- Số tín chỉ: 3

- Mục tiêu môn học: Đánh giá các hợp đồng mua bán hàng nhập khẩu/xuất khẩu, hiểu biết lý thuyết và các hoạt động thực tiễn thương mại liên quan đến nhập khẩu và xuất khẩu, bao gồm vận chuyển, thanh toán và tranh chấp thương mại - Nâng cao kỹ năng thực hành và tổ chức hệ thống trong việc chuẩn bị cho việc khởi nghiệp kinh doanh thương mại - Đạt được các chứng chỉ như lịch sử thương mại quốc tế và tiếng Anh thương mại.

8.12. Financial Management (Quản trị tài chính)

- Mã học phần: 15130001

- Số tín chỉ: 3

- Mục tiêu môn học: Quản lý tài chính là một trong những lĩnh vực chính được bao gồm trong quản trị kinh doanh (quản lý nguồn nhân lực, quản lý tài chính, quản lý sản xuất, tiếp thị). Trong số các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp dẫn đến sự cạnh tranh không ngừng, doanh nghiệp sẽ làm thế nào để huy động vốn cần thiết? Và vốn được huy động sẽ được đầu tư hiệu quả như thế nào?

8.13. Logistics Management (Quản trị Logistics)

- Mã học phần: 15120021

- Số tín chỉ: 3

- Mục tiêu môn học: Nắm được lý thuyết thông qua đánh giá toàn diện về quản lý logistics, bao gồm vận chuyển, lưu trữ, dỡ hàng và đóng gói. Qua một nghiên cứu các tình huống, chúng ta sẽ xem xét chính sách logistics và cơ sở logistics chung của Hàn Quốc. Phát triển các phẩm chất cơ bản như một chuyên gia logistics chuyên nghiệp bằng cách hiểu biết lý thuyết về logistics và các chính sách logistics

8.14. Operations Management (Quản trị vận hành)

- Mã học phần: 15111376

- Số tín chỉ: 3

- Mục tiêu môn học: Chúng ta sẽ xem xét tầm quan trọng chiến lược của các chức năng sản xuất/vận hành trong tổ chức của một công ty và đưa ra các giải pháp cho các vấn đề quyết định đa dạng liên quan đến thiết kế và quản lý hệ thống sản xuất/vận hành.

8.15. Organizational Behavior (Hành vi tổ chức)

- Mã học phần: 15110066
- Số tín chỉ: 3
- Mục tiêu môn học: Mục tiêu là hiểu hành động cá nhân và tập thể của các thành viên tổ chức và đồng thời hiểu hành động của toàn bộ tổ chức liên quan đến môi trường bên ngoài.

8.16. AI for Business (AI trong kinh doanh)

- Mã học phần: 15111378
- Số tín chỉ: 3
- Mục tiêu môn học: Cung cấp sử dụng công nghệ logistics mới với sự xuất hiện của thời đại công nghệ số. Đặc biệt, thông qua việc học hiện thực của hoạt động logistics công nghệ cao tập trung vào trí tuệ nhân tạo (AI) trong thời đại Cách mạng Công nghiệp 4.0, bạn sẽ phát triển khả năng sử dụng công nghệ số trong công việc thực tế cũng như khả năng lập kế hoạch và vận hành các nhiệm vụ liên quan đến logistics như các trung tâm logistics.

8.17. Stock Market and Investment (Thị trường chứng khoán và đầu tư)

- Mã học phần: 15130015
- Số tín chỉ: 3
- Mục tiêu môn học: Sự phát triển và tăng trưởng được một công ty theo đuổi là các hoạt động từ góc độ tài chính để đạt được mục tiêu ở cấp độ công ty, nghĩa là bài giảng tập trung vào việc đầu tư giữa các lĩnh vực hoạt động tài chính chung như đầu tư, tài trợ và chính sách cổ tức. Khái niệm tổng thể về thị trường chứng khoán liên quan đến đầu tư được giải thích và học các chiến lược đầu tư.

8.18. Human Resource Management (Quản trị nhân lực)

- Mã học phần: 15110061
- Số tín chỉ: 3
- Mục tiêu môn học: Thu thập kiến thức và ví dụ thực tế về tất cả các hoạt động liên quan đến bảo đảm, phát triển, bồi dưỡng và duy trì nguồn nhân lực trong việc vận hành nguồn nhân lực để đạt được mục tiêu chiến lược của tổ chức dựa trên sự hiểu biết về giá trị chiến lược của nguồn nhân lực.

8.19. Cross Border Trade (Thương mại xuyên biên giới)

- Mã học phần: 15121048
- Số tín chỉ: 3
- Mục tiêu môn học: Với sự xuất hiện của Cách mạng Công nghiệp 4.0, một hình thức mới của thương mại điện tử xuyên biên giới (Cross Boarder Trade) kết hợp công nghệ số đã xuất hiện trong thương mại quốc tế. Khoá học này nhằm mục đích nuôi dưỡng các phẩm chất của các chuyên gia thương mại trong thời đại Cách mạng Công nghiệp 4.0 bằng cách học lý thuyết và thực hành về thương mại điện tử và thương mại điện tử xuyên biên giới áp dụng công nghệ số vào thương mại.

8.20. The 4th Industrial Revolution & Logistics Innovation (Cách mạng công nghiệp 4.0 và đổi mới Logistics)

- Mã học phần: 15120825

- Số tín chỉ: 3
- Mục tiêu môn học: Hiện nay, các cải tiến logistics đa dạng đang được thử nghiệm theo các tiến triển công nghệ liên quan đến Cách mạng Công nghiệp 4.0. Do đó, khoá học này nhằm mục đích cải thiện sự hiểu biết và cái nhìn sâu sắc vào lĩnh vực cải tiến logistics sẽ phát triển trong tương lai bằng cách giới thiệu tác động của các tiến triển công nghệ này đối với thị trường logistics và kỹ thuật logistics và các tiến triển hiện tại.

8.21. Consumer Psychology & Behavior (Tâm lý và hành vi khách hàng)

- Mã học phần: 15111103
- Số tín chỉ: 3
- Mục tiêu môn học: Mục tiêu chung của khoá học này là hiểu thông tin khách hàng cần thiết để thiết lập chiến lược tiếp thị của một công ty. Để đạt được điều này, sinh viên cần hiểu nội dung lý thuyết về các đặc điểm của quá trình ra quyết định mua hàng của người tiêu dùng, các đặc điểm của quá trình xử lý thông tin của người tiêu dùng và các yếu tố đa dạng ảnh hưởng đến hai quá trình này. Thứ hai, thông qua khoá học này, sinh viên sẽ cần phát triển khả năng sử dụng thông tin về người tiêu dùng để thiết lập chiến lược tiếp thị dựa trên sự hiểu biết lý thuyết.

8.22. Global Marketing in the Era of Market 4.0 (Marketing toàn cầu trong thời đại 4.0)

- Mã học phần: 15120832
- Số tín chỉ: 3
- Mục tiêu môn học: Khoá học này tập trung vào hiểu nội dung khái niệm và lý thuyết về cách các công ty quốc tế nên nhập thị trường với sản phẩm và dịch vụ và các chương trình tiếp thị nào nên được thực hiện trong hoạt động quản lý của các công ty quốc tế. Dựa trên điều này, các vấn đề thực tế cùng với các ví dụ được cung cấp. Mục tiêu là cung cấp sự hiểu biết tổng quan và ứng dụng các hoạt động tiếp thị toàn cầu của các công ty quốc tế bằng cách làm sáng tỏ chúng. Thông qua việc học khoá học này, sinh viên sẽ có khả năng giải thích những vấn đề chính trong tiếp thị toàn cầu và có thể áp dụng chúng vào thực tiễn trong hoạt động doanh nghiệp trực tiếp.

8.23. AI and Logistics Operation (AI và Logistics)

- Mã học phần: 15121077
- Số tín chỉ: 3
- Mục tiêu môn học: Cung cấp việc sử dụng công nghệ logistics mới với sự ra đời của thời đại không tiếp xúc. Cụ thể, bằng cách hiểu thực tế của hoạt động logistics công nghệ cao tập trung vào trí tuệ nhân tạo (AI) trong thời kỳ Cách mạng Công nghiệp 4.0, bạn sẽ phát triển khả năng sử dụng công nghệ số trong công việc thực tế cũng như khả năng lập kế hoạch và vận hành các nhiệm vụ liên quan đến logistics như các trung tâm logistics.

8.24. Strategic Management (Quản trị chiến lược)

- Mã học phần: 15110058
- Số tín chỉ: 3
- Mục tiêu môn học: Để các công ty tiếp tục phát triển trong một môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt, việc thiết lập và triển khai các chiến lược quản lý hiệu quả là không thể thiếu. Mục đích của bài giảng này là cung cấp một cách hệ thống kiến thức cần thiết để thiết lập và triển khai các chiến lược quản lý như vậy cho sinh viên chuyên ngành quản trị kinh doanh.

8.25. International Finance (Tài chính quốc tế)

- Mã học phần: 15130037
- Số tín chỉ: 3
- Mục tiêu môn học: Hiện nay, chúng ta đang sống trong một thời đại mà vốn nước ngoài đầu tư vào trong nước và vốn trong nước đầu tư ra nước ngoài. Bằng cách nghiên cứu kiến thức tài chính cần thiết trong thời đại tài chính quốc tế này, mục tiêu của khoá học này là trang bị cho sinh viên khả năng hiểu không chỉ các nguyên lý cơ bản của tài chính quốc tế mà còn các hiện tượng kinh tế đa dạng xảy ra do tài chính quốc tế.

8.26. Business Analysis (Phân tích hoạt động kinh doanh)

- Mã học phần: 15111379
- Số tín chỉ: 3
- Mục tiêu môn học: Học phân tích kinh doanh thông qua lý thuyết và thực hành, cho phép bạn phân tích dữ liệu lớn, là trung tâm của Cách mạng Công nghiệp 4.0, từ góc độ quản lý. Trong khoá học này, chúng ta sẽ xem xét các công cụ khai thác dữ liệu và các trường hợp ứng dụng.

8.27. Marketing Strategy (Chiến lược Marketing)

- Mã học phần: 15110063
- Số tín chỉ: 3
- Mục tiêu môn học: Bài giảng này nhằm mục đích hiểu cả lý thuyết và thực hành của chiến lược tiếp thị bằng cách xây dựng lý thuyết cơ bản về việc thiết lập chiến lược tiếp thị và xem xét các trường hợp thành công/thất bại trong thực tế

8.28. Cost Accounting (Kế toán chi phí)

- - Module code: SCU6301
- - Credits: 3
- - Class Objective: In this course, as a field of accounting, you will become familiar with the technology to calculate the cost of a product as a corporate accountant. By linking cost accounting to financial accounting, you will learn the basics necessary for cost calculation, such as the concept of cost, cost calculation, and the preparation of cost reports. Learn the content.

8.29. Marketing Communication (Truyền thông Marketing)

- Mã học phần: 15110072
- Số tín chỉ: 3
- Mục tiêu môn học: Khoá học này tập trung vào việc sử dụng các công cụ truyền thông tiếp thị đa dạng như quảng cáo, khuyến mãi bán hàng, PR và bán hàng cá nhân từ góc độ của Truyền thông Tiếp thị Tích hợp (IMC).

8.30. Marketing Channel Management (Quản trị kênh Marketing)

- Mã học phần: 15111105

- Số tín chỉ: 3
- Mục tiêu môn học: Mục đích của môn học này là thu thập những năng lực cần thiết để đạt được lợi thế cạnh tranh trong ngành phân phối trong quản trị doanh nghiệp dựa trên sự hiểu biết về các thành viên trong kênh phân phối, thiết kế cấu trúc kênh phân phối và quản lý các thành viên trong kênh.

8.31. Platform Sales Strategy (Chiến lược bán hàng trên các nền tảng)

- Mã học phần: 15111102
- Số tín chỉ: 3
- Mục tiêu môn học: Mục tiêu của khoá học này là khám phá các phương án chiến lược bán hàng có thể đảm bảo một lợi thế cạnh tranh bền vững trong một môi trường khách hàng và thị trường đang thay đổi. Để đạt được điều này, môn học này mong muốn đạt được thành tựu lý thuyết cho sinh viên bằng cách học các loại chiến lược bán hàng khác nhau và quy trình triển khai của những chiến lược đó. Hơn nữa, mục tiêu cuối cùng sẽ là nuôi dưỡng khả năng áp dụng kiến thức lý thuyết đã học vào công việc thực tế.

8.32. Business Start-up and Tax (Khởi nghiệp và thuế)

- Mã học phần: 15150552
- Số tín chỉ: 3
- Mục tiêu môn học: Mục đích của khoá học này là cung cấp cho các chủ doanh nghiệp lên kế hoạch mở doanh nghiệp một giải thích dễ hiểu về kiến thức thuế chính mà họ cần biết ở giai đoạn khởi nghiệp, đồng thời phát triển khả năng phân loại và hiểu biết các khoản thuế đa dạng liên quan đến việc khởi nghiệp và quản lý chúng một cách có hệ thống.

8.33. Practice of Opening and Operating Online Shopping Mall (Thành lập và vận hành cửa hàng trực tuyến)

- Mã học phần: 15111105
- Số tín chỉ: 3
- Mục tiêu môn học: Khoá học nhằm mục đích xây dựng những kỹ năng thực hành cần thiết để xây dựng và quản lý các trung tâm mua sắm trực tuyến. Hơn nữa, mục tiêu của môn học là phát triển khả năng thực hành để chuẩn bị cho các phần thực hành của các kỳ thi chứng chỉ quốc gia như kỳ thi "Quản lý Thương mại Điện tử" và "Nhà vận hành Thương mại Điện tử"



PGS.TS Trần Quang Anh

**KẾ HOẠCH VÀ TIẾN TRÌNH HỌC TẬP CHUẨN
NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**GIAI ĐOẠN 1:
HỌC TRÊN HỆ THỐNG ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN CỦA HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG**

NĂM HỌC THỨ NHẤT (PTIT)				NĂM HỌC THỨ HAI (PTIT)			
TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ	TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ
1	Triết học Mác-Lênin (Marxist- Leninist Philosophy)	3	HK1	1	Chủ nghĩa khoa học xã hội Scientific Socialism	2	HK3
2	Toán cao cấp 1 Advanced Math 1	2	HK1	2	Kinh tế lượng Econometrics	3	HK3
3	Pháp luật đại cương General Law	2	HK1	3	Giao tiếp trong kinh doanh Business Communication	2	HK3
4	Tin học cơ sở 1 Basic Informatics 1	2	HK1	4	Tiếng Hàn Trung cấp và TOPIK (I) Intermediate Korean & Topik (I)	4	HK3
5	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	3	HK1	5	Nguyên lý kế toán Principles of Accounting	3	HK3
6	Tiếng Hàn Sơ cấp (I) Elementary Korean (I)	3	HK1	6	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	2	HK3
7	Toán kinh tế Mathematical Economics	3	HK1	7	Quản trị học Management	3	HK3
		18				19	

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ	TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ
8	Kinh tế chính trị Mac - Lenin Marxist-Leninist political Economy	2	HK2	8	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam History of Vietnamese Communist Party	2	HK4
9	Tiếng Hàn Sơ cấp (II) Elementary Korean (II)	4	HK2	9	Marketing căn bản Principles of Marketing	3	HK4
10	Toán cao cấp 2 Advanced Math 2	2	HK2	10	Thương mại điện tử căn bản Principles of Ecommerce	3	HK4
11	Lý thuyết xác suất và thống kê The Theory of Probability and Mathematical Statistics	3	HK2	11	Tiếng Hàn Trung cấp và TOPIK (II) Intermediate Korean & Topik (II)	4	HK4
12	Tin học cơ sở 3 Basic Informatics 3	2	HK2	12	Thống kê doanh nghiệp Business Statistics	3	HK4
13	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	3	HK2	13	Tài chính tiền tệ Principles of Finance	3	HK4
14	Phương pháp nghiên cứu khoa học Scientific Research Methodology	2	HK2	14	Hệ thống thông tin quản lý Management Information System	2	HK4
		18				20	

TỔNG CỘNG:

75

GIẢI ĐOẠN 2:
HỌC TRÊN HỆ THỐNG ĐÀO TẠO TRỰC TUYẾN CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC SEOUL CYBER

NĂM HỌC THỨ BA (SCU)				NĂM HỌC THỨ TƯ (SCU)			
TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ	TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ
1	Kế toán nâng cao Intermediate Accounting	3	HK5	1	Marketing toàn cầu trong thời đại 4.0 Global Marketing in the Era of Market 4.0	3	HK7
2	Giới thiệu về hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu Introduction to Export and Import Practices	3	HK5	2	AI và Logistics AI and Logistics Operation	3	HK7
3	Quản trị tài chính Financial Management	3	HK5	3	Quản trị chiến lược Strategic Management	3	HK7
4	Quản trị logistics Logistics Management	3	HK5	4	Tài chính quốc tế International Finance	3	HK7
5	Quản trị vận hành Operations Management	3	HK5	5	Phân tích hoạt động kinh doanh Business Analysis	3	HK7
6	Hành vi tổ chức Organizational Behavior	3	HK5	6	Chiến lược Marketing Marketing Strategy	3	HK7
		18				18	

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ	TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Học kỳ
7	AI trong kinh doanh AI for Business	3	HK6	7	Kế toán chi phí Cost Accounting	3	HK8
8	Thị trường chứng khoán và đầu tư Stock Market and Investment	3	HK6	8	Truyền thông Marketing Marketing Communication	3	HK8
9	Quản trị nhân lực Human Resource Management	3	HK6	9	Quản trị kênh Marketing Marketing Channel Management	3	HK8
10	Thương mại xuyên biên giới Cross Border Trade	3	HK6	10	Chiến lược bán hàng trên các nền tảng Platform Sales Strategy	3	HK8
11	Cách mạng công nghiệp 4.0 và đổi mới The 4th Industrial Revolution & Logistics Innovation	3	HK6	11	Khởi nghiệp và thuế Business Start-up and Tax	3	HK8
12	Tâm lý và hành vi khách hàng Consumer Psychology & Behavior	3	HK6	12	Thành lập và vận hành cửa hàng trực tuyến Practice of Opening and Operating Online Shopping Mall	3	HK8
		18				18	

TỔNG CỘNG:

72

Sau khi kết thúc Giai đoạn 2, sinh viên hoàn thành đầy đủ chương trình đào tạo của Đại học Seoul Cyber và của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông (hoàn thành bổ sung khối kiến thức tốt nghiệp) và đủ điều kiện cấp bằng sẽ được nhận song bằng của Đại học Seoul Cyber và của Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.